

Vài suy nghĩ ban đầu Về số hóa di sản văn hóa

THS. NGUYỄN HẢI NINH*

Ít rất xa xưa con người đã nỗ lực trong việc lưu giữ lại những kiến thức, ấn tượng và kinh nghiệm mà mình đã trải qua - những di sản văn hóa, nhằm truyền lại cho các thế hệ kế tiếp. Nhưng những di sản văn hóa và trí tuệ này thường xuyên bị đe dọa bởi sự quên lãng - kẻ thù của lịch sử. Chính vì vậy, mỗi nền văn hóa đều có riêng một hệ thống các biện pháp nhằm cố gắng lưu giữ lại các di sản, đặc tính riêng có, sự phong phú trong quá trình liên tục phát triển của các nền văn hóa.

Sự phát triển của các phương tiện lưu trữ thông tin như chữ viết, tranh vẽ, phim ảnh... đã giúp con người giảm bớt đi gánh nặng của việc lưu truyền thông tin qua các thế hệ. Tuy nhiên, cả hai phương thức lưu giữ thông tin: Lưu giữ thông tin truyền thống (thông qua truyền thống văn hóa, cách sử dụng ngôn ngữ, nghệ thuật dân gian...) và lưu giữ thông tin có tính hàn lâm (nghiên cứu điển dã, sưu tầm, ghi chép...) đều đòi hỏi việc liên tục mở rộng khả năng lưu trữ các dữ liệu có được. Số hóa có thể coi là bước phát triển tiếp theo của quá trình lưu trữ và lưu truyền thông tin văn hóa (hay là một bước phát triển hoàn toàn mới trong lĩnh vực này).

Một cách khái quát, có thể hiểu số hóa là sự hoán chuyển của các thông tin thực tại (âm

thanh, hình ảnh...) sang tín hiệu nhị phân và được thực hiện bởi các thiết bị điện tử (máy ảnh số, camera, ghi âm, scanner...), những định dạng số này có thể dễ dàng lưu trữ, xem lại... thông qua những máy tính. Theo đó, trong số hóa di sản văn hóa (SHDSVH), cái thực tại được hoán chuyển thông tin đó chính là các di sản văn hóa. Tuy nhiên, SHDSVH không đơn giản chỉ là việc giới thiệu lại các di sản văn hóa (mà chúng ta thường gặp trên internet), mà quan trọng hơn, đó là quá trình chuyển hóa các thông tin để chúng ta có thể nhận biết và khai thác các thông tin về di sản văn hóa qua các hình thức và phương tiện như sau: Cơ sở dữ liệu số, các sản phẩm 3D về di sản, các trang web, thư điện tử, ảnh số, phim, DVD, CD-Rom, MP3...

Một số thuận lợi của số hóa di sản văn hóa:

Thuận lợi đầu tiên của việc SHDSVH là "Lưu trữ". Như chúng ta biết, lưu trữ, bảo quản là nhiệm vụ hàng đầu trong việc bảo vệ di sản văn hóa. Theo đó, SHDSVH phải đảm bảo bảo quản nguyên gốc các di sản văn hóa trong hoàn cảnh tốt nhất.

Trên phương diện này, SHDSVH có tính ưu việt vì nó đã giúp giảm tối đa các phương tiện lưu trữ, pháp lưu trữ vốn rất cồng kềnh, phiền toái và kém hiệu quả mà các phương truyền thống đòi hỏi phải có. Ngoài ra, SHDSVH có

* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

thể lưu giữ phần lớn thông tin về mọi loại hình di sản văn hóa (âm thanh, hình ảnh, phim...) theo một định dạng chung.

Thuận lợi thứ hai là, hiện nay các bảo tàng, các nhà sưu tập đã bắt đầu quan tâm đến việc số hóa những sưu tập của mình. Phương tiện internet đã cung cấp cho mọi nhà sưu tập, nhà nghiên cứu cơ hội tìm hiểu về các hiện vật, các di sản với chi phí thấp nhất. Hơn nữa, như là một hệ quả tự nhiên của việc SHDSVH, công chúng của các bảo tàng dễ dàng mở rộng không chỉ trong nước mà còn ra cả thế giới. Công nghệ thông tin giúp cho nhiều đối tượng công chúng chiêm ngưỡng các di sản văn hóa, không phân biệt biên giới địa lý, tầng lớp xã hội.

Thuận lợi thứ ba là, với Internet, phương tiện cung cấp thông tin không giới hạn, các di sản văn hóa được số hóa dễ dàng nhận được sự đánh giá, so sánh với các nguồn dữ liệu di sản văn hóa khác, tham góp ý kiến từ các chuyên gia từ nhiều nơi trong cùng một thời điểm. Do vậy, có thể nói SHDSVH có ảnh hưởng rộng rãi trong công tác nghiên cứu, giáo dục và sự phát triển của văn hóa.

Thuận lợi thứ tư là, sự truyền đạt thông tin. Có thể nói rằng, các phương tiện thông tin có liên quan chặt chẽ đến quá trình số hóa. Một mặt, sự giao lưu giữa các cơ quan nghiên cứu và công chúng (thông qua các phương tiện như thư điện tử, website, công nghệ thông tin số, truyền số liệu...) làm gia tăng đáng kể sự tham gia của công chúng vào việc đánh giá chất lượng của việc SHDSVH. Mặt khác, sự truyền đạt thông tin một cách nhanh chóng và thuận tiện đã thúc đẩy sự gia tăng giao lưu giữa các cơ quan nghiên cứu với nhau và tạo ra sự hợp tác phát triển.

Với những thuận lợi và sự phát triển nhanh chóng của số hóa, chúng ta có thể khẳng định mối quan hệ của công chúng và các cơ quan nghiên cứu đã thay đổi. Theo đó, đã không còn các rào cản giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, giữa hình ảnh và âm thanh, giữa các ngôn ngữ khác nhau, giữa các nhà nghiên cứu, các bảo tàng và những đối tượng nghiên cứu, chủ thể văn hóa.

Những khó khăn - rào cản của quá trình số hóa di sản văn hóa:

Trong những năm gần đây, chúng ta nghe nhiều đến khái niệm: "mù máy tính" và "phân

cách kỹ thuật số" (digital divide)¹. Trong quá trình SHDSVH ở nước ta hiện nay, phân cách kỹ thuật số thể hiện ngay tại trong các cơ quan quản lý văn hóa, các bảo tàng trong nước. Hãy lấy một ví dụ: Phần mềm quản lý hiện vật bảo tàng và di tích, do Cục Di sản văn hóa triển khai tới tất cả các bảo tàng và ban quản lý di tích trên toàn quốc từ năm 2002, là một phần mềm có ích và khá dễ sử dụng. Tuy nhiên, đến khi triển khai cụ thể, một khó khăn nảy sinh là khá nhiều bảo tàng và ban quản lý di tích ở nước ta hiện không có chiếc máy tính nào, thậm trí, một số nơi, nếu có máy tính thì dường như cũng chưa ai biết sử dụng thông thạo. Trong khi đó, nhiều bảo tàng khác đã ứng dụng và triển khai nhiều các hoạt động chuyên môn có ứng dụng đến công nghệ số, ví dụ như các phần mềm tìm kiếm thông tin, tra cứu thông tin tại khu trưng bày (Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam...).

Phân cách kỹ thuật số không chỉ xảy ra trong nội bộ các nước đang phát triển, mà còn xuất hiện giữa các quốc gia, các Châu lục. Phân cách kỹ thuật số đã, đang và sẽ tiếp tục tách phương Tây giàu có khỏi những nước đang phát triển. Hơn 50% người sử dụng Internet là người Mỹ, trong khi dân số Mỹ chỉ chiếm chưa tới 5% dân số thế giới. Đối với đại đa số người dân Mỹ, internet là nguồn cung cấp hầu hết các thông tin quan trọng. Mặt khác, việc sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đời sống thường ngày đòi hỏi người dân phải có một tình trạng ổn định và khá đầy đủ về kinh tế. Đây là lý do cho vô số những vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng. Nhiều người thiếu phần mềm cần thiết, thiết bị kết nối Internet hay 1 chiếc máy tính với đầy đủ phần mềm ứng dụng.

Kỹ thuật số, tự bản thân nó có thể chia tách một cách hiển nhiên trong xã hội, giữa những người có giáo dục về công nghệ thông tin và những người ít được giáo dục về lĩnh vực này, giữa những người già và người trẻ, người giàu và người nghèo... Dù sao, đối với những người giàu có ở phương Tây, phần lớn đều không gặp trở ngại gì với máy tính. Thế hệ những người già cả và những người ít học thì dễ bị mất đi những mối liên lạc với di sản văn hóa (đã được số hóa) bởi những bước tiến cao của cuộc cách mạng kỹ thuật. Bởi vì, hiệu quả của việc sử dụng công nghệ thông tin yêu cầu một sự giáo dục phổ

cập về tin học nhằm đảm bảo được việc quản lý thông tin và việc sử dụng được nhiều những phương tiện truyền thông đại chúng khác nhau.

Một rào cản thường gặp nữa là, vấn đề về bản quyền, đôi khi việc tôn trọng bản quyền tác giả lại là một trở ngại trong việc SHDSVH. Khi đã được số hóa, các di sản văn hóa sẽ được sử dụng rộng rãi với nhiều mục đích khác nhau (cùng với mục đích chính là bảo tồn và gìn giữ). Như vậy, bản quyền trí tuệ thuộc về các nghệ nhân, nhóm cộng đồng liệu có bị vi phạm? Việc thỏa thuận sử dụng bản quyền có cần được thực hiện và thực hiện với ai? Đối với những người làm công tác sưu tầm, tư liệu và số hóa di sản văn hóa những câu hỏi này thường xuyên được đặt ra..

Về bản chất, bản quyền tập trung vào bảo vệ các quyền tác giả. Tuy nhiên, nhìn lại quá trình phát triển của lịch sử văn hóa, sẽ thấy, đối với nhiều di sản văn hóa, các tác giả đơn lẻ luôn không được xác định một cách rạch ròi (ví dụ như ai là tác giả của các làn điệu Quan họ, hay sử thi Tây Nguyên...). Như vậy, trong hoàn cảnh này, bản quyền thuộc về cộng đồng, nơi sản sinh ra các di sản văn hóa đó. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là: ai là người trong cộng đồng có quyền quyết định cho phép việc số hóa các di sản truyền thống của cộng đồng? và sự cho phép này có đảm bảo tính pháp lý sau này?

Do vậy, một nhiệm vụ của các bảo tàng, cơ quan quản lý văn hóa là, cần thông tin đầy đủ mục đích và lợi ích của việc số hóa di sản văn hóa, đảm bảo tính xác thực của thông tin về di sản, đồng thời, việc mời cộng đồng tham gia trực tiếp vào quá trình số hóa di sản văn hóa cần được thực hiện một cách nghiêm túc và thân thiện. Như vậy, vấn đề về bản quyền dần dần sẽ không còn là rào cản cho các đơn vị sử dụng di sản văn hóa cho các lĩnh vực công cộng (như bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, giáo dục, khoa học, các nghiên cứu...).

Vấn đề tiếp theo cần đề cập là vấn đề về tài chính. Ngay cả các nước phương Tây giàu có, cũng không thể cung cấp đủ kinh phí để giữ gìn hoặc số hóa hết mọi di sản văn hóa. Trên thực tế, khó có thể thể tính toán hết được chi phí cho các dự án số hóa di sản văn hóa và việc duy trì chúng. Chúng ta rất dễ thống nhất về sự cần thiết của việc bảo vệ giá trị các bộ sưu tập đang có nguy cơ hủy hoại, tuy nhiên vấn đề được đặt

ra là, việc không đủ kinh phí cho hết các bộ sưu tập đang gặp nguy cơ bị hủy hoại. Đồng thời, việc có được quyết định cho phép số hóa, thời gian cần thiết, nhân lực và chuyên gia trong việc số hóa cũng như duy trì cơ sở dữ liệu đều là những vấn đề khó giải quyết.

Những băn khoăn về tính tạm thời của công nghệ: Đã có nhiều người đặt câu hỏi rằng, bao giờ là kết thúc của công nghệ hiện đại?. Chỉ liếc nhìn sự phát triển của băng cassettes, đĩa CD, minidics, DVD và nay là chiếc USB... chúng ta đã có thể thấy sự phát triển nhanh chóng của công nghệ: chỉ trong vòng một vài năm, những hình thức lưu trữ dữ liệu số đã biến đổi gần như hoàn toàn. Những thiết bị cần thiết phục vụ cho việc đọc và ghi những dữ liệu kèm theo cũng vì thế mà thay đổi theo. Và, thực tế cho thấy, một điều đáng buồn là sự phát triển của công nghệ thông tin đi nhanh hơn rất nhiều so với quá trình số hóa di sản văn hóa. Như vậy, liệu những ứng dụng số của chúng ta hiện nay trong việc số hóa có bị lãng quên trong tương lai? Hay nói rõ hơn: liệu trong tương lai những thiết bị để "đọc" những dữ liệu trong băng cassettes, đĩa CD, minidics, DVD có còn được sử dụng? Liệu những cơ sở dữ liệu hiện tại có thể dễ dàng chuyển đổi định dạng cho những công nghệ tiên tiến trong tương lai?

Vấn đề cuối cùng và là vấn đề quan trọng nhất, đó là việc mất tính chính xác trong quá trình SHDSVH. Phần nào của di sản văn hóa cần được số hóa: Về đẹp của kiến trúc truyền thống hay kỹ năng xây dựng những kiến trúc gỗ này? Một bài hát Quan họ hay hay là kỹ năng hát vang, rền, nền, nảy của các nghệ nhân Quan họ cần được số hóa? Câu trả lời là không khó. Tuy nhiên, không phải lúc nào công nghệ cũng đáp ứng đầy đủ những mong muốn của chúng ta. Chính sự hạn chế về công nghệ đó đôi khi lại làm cho một vài dạng di sản văn hóa đi vào quên lãng. Hãy thử lấy một ví dụ: sự phát triển nhanh chóng của văn hóa thị giác đang đẩy dần các hình thức văn hóa khác lùi về sau. Văn hóa của đọc lướt hay siêu văn bản² đã gây ra tâm lý không muốn đọc các tài liệu dài, hay tài liệu có dạng chữ thông thường. Một ví dụ khác trong quá trình SHDSVH: đối với các công trình kiến trúc gỗ truyền thống ở nước ta hiện nay, chúng ta đã có khá nhiều phim, ảnh, đĩa CD rom, trang web... giới thiệu về vẻ đẹp, ý

nghĩa trang trí, lịch sử và cả truyền thuyết về những công trình này. Trong khi đó, với những lý do khách quan và hạn chế về kỹ thuật, việc số hóa các kỹ năng làm mộc hay đục chạm các tác phẩm nghệ thuật trên những công trình kiến trúc gỗ đều đang bị bỏ ngỏ. Vậy thì, trong trường hợp cần khôi phục một trong những công trình này, liệu chúng ta có đủ nghệ nhân có tay nghề, có kinh nghiệm/hiểu biết và trình độ thẩm mỹ để thực hiện công việc này?

Một hạn chế nữa liên quan đến việc giảm tính chính xác trong quá trình SHDSVH là việc số hóa di sản văn hóa phi vật thể. Không chỉ riêng Việt Nam, mà ở cả các nước tiên tiến, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể cũng đều gặp những khó khăn về phương pháp và kỹ thuật. Khác với việc số hóa di sản văn hóa vật thể, việc mà các nước đã làm trong nhiều năm qua, số hóa di sản văn hóa phi vật thể đòi hỏi những phương pháp và kỹ thuật riêng. Chúng ta có thể số hóa được phần nào không gian lễ hội Công Chiêng Tây Nguyên với phim, ảnh số, ghi âm..., nhưng rất khó có thể sử dụng các phương tiện này số hóa kỹ năng chỉnh Chiêng của những nghệ nhân lâu năm trong công việc này, cũng như rất khó có thể số hóa được "tài năng" của nghệ nhân trong việc sử dụng Công, Chiêng trong các lễ hội.

Một hạn chế khác nữa là sự mất đi cảm giác thực với di sản văn hóa khi chúng ta sử dụng quá nhiều máy tính và internet. Không gian hạn chế máy tính không thể gợi lên vẻ hùng vĩ và ấn tượng của phong cảnh hay một kiến trúc cổ. Cũng như vậy, những trải nghiệm thực của khách tham quan khi xem bảo tàng, tham gia một lễ hội truyền thống cũng sẽ bị mai một khi các di sản văn hóa chỉ được giới thiệu trong không gian một chiếc máy tính. Tuy nhiên, trong xu thế ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay, vẫn có nhiều người, nhất là lớp trẻ, vẫn mong muốn tham quan bảo tàng hay đi du lịch ảo. Đây quả thực là một ảnh hưởng xấu đến hình thức di sản truyền thống. Điều này đã xảy ra với văn hóa đọc, như đã nêu ở trên, vì xu hướng này dần dần đã làm con người mất đi kỹ năng đọc và nhận biết các biểu tượng ngôn ngữ, đồng thời, làm mất đi những trải nghiệm thực về các giá trị văn hóa truyền thống.

Và cuối cùng, chúng ta liệu có thể khắc phục những hạn chế của kỹ thuật trong việc số

Nguyễn Hải Ninh: *Vài suy nghĩ ban đầu về số hóa...*

hóa di sản văn hóa? Có hình thức số hóa nào hoàn toàn phù hợp? Lấy ví dụ một bảo tàng số: việc tạo ra một bảo tàng số đem lại nhiều thuận lợi, nhưng, câu hỏi đặt ra là khi nào người xem bảo tàng ảo có cảm giác thực như khi xem bảo tàng thực, nơi họ có thể hít thở không khí của môi trường văn hóa, nơi họ có thể đi dạo ở khu trưng bày ngoài trời, trò chuyện với những người cùng xem bảo tàng.

Trong những năm gần đây, số hóa nói chung và số hóa di sản văn hóa đã thực sự phát triển và ngày càng có những đóng góp tích cực vào trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, phải thấy rõ là, đến nay ảnh hưởng của quá trình số hóa di sản văn hóa với xã hội nói chung vẫn chưa được đánh giá hết. Quá trình này còn cần được định hướng nghiên cứu lâu dài và cần có những chương trình đào tạo đặc biệt hơn cho những người tham gia, đồng thời, các cơ quan quản lý văn hóa cũng cần có những biện pháp quan tâm hơn nữa nhằm thúc đẩy quá trình số hóa di sản văn hóa. Chừng nào chúng ta chưa làm tốt việc này, thì với việc phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, số hóa di sản văn hóa sẽ ngày càng có khoảng cách với công nghệ thông tin mới này./

N.H.N

Chú thích:

1- Khái niệm "phân cách kỹ thuật số" (digital divide) diễn tả việc chia cắt thế giới ra làm hai phần: một phần mà trong đó việc sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử đã phát triển và một phần kém phát triển hơn. Các nhà kinh tế học tin rằng, việc sử dụng thương mại điện tử sẽ nâng cao tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế quốc dân và vì thế, các nước đã phát triển cao sẽ tiếp tục tăng khoảng cách bỏ xa các nước kém phát triển hơn.

2- Siêu văn bản (hypertext) là văn bản của một tài liệu có thể được truy tìm không theo tuần tự. Người đọc có thể tự do đuổi theo các dấu vết liên quan qua suốt tài liệu đó bằng các mối liên kết xác định sẵn do người sử dụng tự lập nên. Trong một môi trường ứng dụng siêu văn bản thực sự, người đọc có thể đánh dấu (highlight) bất kì từ nào của tài liệu và tức khắc từ đó nhảy đến những tài liệu khác có văn bản liên quan đến nó. Cũng có những lệnh cho phép người đọc tự tạo cho riêng mình những dấu vết kết hợp qua suốt tài liệu. Các trình ứng dụng dùng siêu văn bản rất hữu ích trong trường hợp phải làm việc với số lượng văn bản lớn, như các bộ từ điển bách khoa và các bộ sách nhiều tập.